

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*  
*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*  
*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*  
*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*  
*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai của cả nước năm 2022 (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022) như sau:

Tổng diện tích tự nhiên:	33.134.482 ha, bao gồm:
- Diện tích nhóm đất nông nghiệp:	28.002.574 ha;
- Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp:	3.961.324 ha;
- Diện tích nhóm đất chưa sử dụng:	1.170.584 ha.

(Diện tích chi tiết từng loại đất, từng loại đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý được thể hiện trong biểu hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của cả nước, các vùng kinh tế - xã hội và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo Quyết định này).

Số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2022 được sử dụng thống nhất trong cả nước.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo việc công khai và cung cấp kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022 của địa phương cho các tổ chức, cá nhân để sử dụng thống nhất theo quy định.

2. Số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2022 phải được thường xuyên kiểm tra, rà soát để cập nhật, chỉnh lý biến động vào kết quả thống kê đất đai

năm 2023. Việc thống kê diện tích đất đai được thực hiện và báo cáo trên phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai (TK-Online và TK-Desktop) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đảng Quốc Khánh (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT (Tổng cục Thống kê);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ: KH-TC, ĐĐ; Cục QHPTTND;
- Lưu VT, VP(TH), ĐKDLTTĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Minh Ngân**